TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/LĐ – ST
Ngày: 06 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng lao động,
bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tô Cẩm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững, từng công tác tại Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Cần Giuộc;

2. Ông Phạm Minh Hiếu, công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giuộc;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST- LĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng lao động và bảo hiểm xã hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST - LĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số nhà E, ấp B, xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thanh T1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số nhà E, ấp B, xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C; Địa chỉ: NX-C1, C2, C3, KCN L, xã L, huyện C4, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông/bà K, Tổng giám đốc. Địa chỉ: NX-C1, C2, C3, KCN L, xã H, huyện C4, tỉnh Long An.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh A. Địa chỉ: Số Z, Y, phường X, thành phố M, tỉnh

Long An.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T trình bày:

Năm 2013, bà cho em ruột là Phạm Thị Thanh T1 mượn giấy tờ tùy thân để xin việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C (Sau đây viết là Công ty C), thời gian làm việc từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014, bà T1 được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội (Sau đây viết là BHXH) theo sổ BHXH số 8013026072 do BHXH tỉnh A cấp ngày 21/8/2013 với tên Phạm Thị Kiều T. Sau đó, bà T1 nghỉ việc, chưa lãnh chế độ BHXH.

Trong thời gian này, bà thực tế làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S, được Công ty tham gia BHXH theo sổ BHXH số 8011034949 do BHXH quận R, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2017 (lần 2). Gần đây, bà biết được bà bị trùng thời gian tham gia BHXH từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014, giữa sổ BHXH số 8013026072 và sổ BHXH số 8011034949.

Vì vậy, bà khởi kiện bà Phạm Thị Thanh T1, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty C và Phạm Thị Thanh T1 (trên hợp đồng ghi tên Phạm Thị Kiều T), thời gian làm việc từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014.

Điều chỉnh sổ BHXH số 8013026072 do BHXH tỉnh A cấp ngày 21/8/2013 mang tên Phạm Thị Kiều T làm việc tại Công ty C, thời gian tham gia BHXH từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014, thành tên của bà Phạm Thị Thanh T1.

Bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Thanh T1 trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của bà Phạm Thị Kiều T. Bà xác nhận bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà Phạm Thị Kiều T để làm việc tại Công ty C từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc, bà được Công ty C tham gia BHXH theo sổ BHXH số 8013026072 do BHXH tỉnh Long An cấp ngày 21/8/2013 mang tên Phạm Thị Kiều T. Từ khi nghỉ việc, bà chưa lãnh chế độ BHXH theo sổ BHXH số 8013026072. Bà xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty C trình bày: Do thời gian đã lâu nên Công ty không còn lưu trữ thông tin về hồ sơ của nhân viên nhưng qua lưu trữ phần mềm thì Công ty xác nhận là Công ty có ký hợp đồng lao động và tham gia BHXH cho bà Phạm Thị Kiều T, thời gian từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014, theo sổ BHXH số 8013026072. Tại thời điểm ký hợp đồng lao động, Công ty không biết bà Phạm Thị Kiều T cho bà Phạm Thị Thanh T1 mượn giấy tờ tùy thân để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty. Ngoài ra, Công ty không

có ý kiến khác, đồng thời xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh A có ý kiến: Tháng 08/2013, Công ty C có kê khai đóng BHXH, BHTN cho người lao động tên Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1992, số sổ BHXH được cấp là 8013026072, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014, hiện chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH và BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh A xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa Công ty C với bà Phạm Thị Thanh T1 (trên hợp đồng lao động ghi tên Phạm Thị Kiều T) bị vô hiệu toàn bộ; điều chỉnh sổ BHXH mã số 8013026072 do BHXH tỉnh A cấp ngày 21/8/2013 mang tên Phạm Thị Kiều T, làm việc tại Công ty C, thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014 thành tên Phạm Thị Thanh T1. Bà T và bà T1 được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền của Tòa án: Bà Phạm Thị Kiều T khởi kiện bà Phạm Thị Thanh T1, yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ BHXH. Hợp đồng lao động được thực hiện tại Công ty C, có trụ sở tại xã L, huyện C4, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

[1.2] Sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động: Bà Phạm Thị Kiều T và bà Phạm Thị Thanh T1 thống nhất trình bày vào năm 2013 bà T có cho bà T1 mượn giấy tờ tùy thân để bà T1 giao kết hợp đồng lao động với Công ty C, thời gian làm việc từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định lời trình bày của bà T và bà T1 là đúng sự thật. Theo đó, vào tháng 08/2013, bà Phạm Thị Thanh T1 đã sử dụng thông tin nhân thân của bà Phạm Thị Kiều T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty C. Trên hợp đồng lao động thì tên người lao động là bà Phạm Thị Kiều T

nhưng thực tế người ký hợp đồng lao động và người làm việc tại Công ty C là bà Phạm Thị Thanh T1.

Từ đó, xác định giữa bà T và Công ty C không tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động. Thay vào đó, bà T1 mới là người lao động thật sự và có tồn tại quan hệ lao động, hợp đồng lao động với Công ty C theo quy định tại Điều 7, 15 của Bộ luật lao động năm 2012.

Tuy nhiên, bà T1 sử dụng thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty C là không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật lao động năm 2012. Công ty C sử dụng lao động là bà T1 nhưng lại giao kết hợp đồng lao động theo thông tin của bà T nên Công ty C chưa thực hiện đúng quy định về việc tuyển dụng người lao động theo Điều 18 của Bộ luật lao động năm 2012.

Vậy nên, khi giao kết hợp đồng lao động, bà T1 và Công ty C đều vi phạm quy định của pháp luật lao động. Nay bà T yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động là có cơ sở. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2012, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị Thanh T1 (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Phạm Thị Kiều T) với Công ty C thời gian làm việc từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014 bị vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Yêu cầu điều chỉnh sổ BHXH: Công ty C và BHXH tỉnh A thống nhất xác định vào tháng 08/2013, Công ty C có kê khai đóng BHXH, BHTN cho người lao động tên Phạm Thị Kiều T, số sổ BHXH được cấp là 8013026072, quá trình đóng BHXH, BHTN từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014. Ngoài ra, BHXH tỉnh A xác định sổ BHXH số 8013026072 chưa được duyệt hưởng trợ cấp BHXH và BHTN.

Tuy nhiên, từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014, người lao động thực sự làm việc tại Công ty C là bà Phạm Thị Thanh T1. Thời điểm tháng 08/2013, bà T1 đã đủ 15 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Bộ luật lao động năm 2012. Nay, bà T và bà T1 thống nhất điều chỉnh sổ BHXH số 8013026072 thành tên của bà Phạm Thị Thanh T1 là có cơ sở, phù hợp với thực tế. Việc điều chỉnh này là bảo đảm đúng đối tượng lao động, phù hợp với quy định tại Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 18, 23 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 nên được chấp nhận. Bà T1 được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T1 với Công ty C. Bà T được hưởng các chế độ BHXH theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà T với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S.

[3] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Kiều T tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 3, Điều 7, 15, 17, Khoản 1 Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2012; Điều 15, 16, 20 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006; Điều 18, 23 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; điểm a Khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T đối với bị đơn bà Phạm Thị Thanh T1 về tranh chấp hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội.

Tuyên bố Hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Phạm Thị Thanh T1 (trên hợp đồng lao động ghi tên bà Phạm Thị Kiều T) với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C, trong thời gian từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014, bị vô hiệu toàn bộ.

Điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013026072 cấp ngày 21/8/2013 cho bà Phạm Thị Kiều T do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C nộp từ tháng 08/2013 đến tháng 02/2014 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh A thành tên bà Phạm Thị Thanh T1.

Bà Phạm Thị Thanh T1 được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Phạm Thị Thanh T1 với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên A theo sổ bảo hiểm xã hội mã số 8013026072 đã được điều chỉnh.

Bà Phạm Thị Kiều T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Phạm Thị Kiều T với Công ty trách nhiệm hữu hạn Túi xách S.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Kiều T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà Phạm Thị Kiều T có nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013427 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, chuyển sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THA huyện Cần Giuộc;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tô Cẩm Hương